

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN
SỐ 53/ CV.GMX-2023**

**V/v: CBTT Báo Cáo Tài Chính
Bán niên 2023 (đã được soát xét)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
-----o0o-----**

Phú Mỹ, Ngày 14 Tháng 08 năm 2023

**Kính Gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin : Lưu Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố : CBTT
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 (đã được soát xét) của Công Ty CP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 11/08/2023 bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.myxuan-vt.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:
-

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Lưu Thị Mai

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM
XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mỏ;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu phố Suối Nhum, P. Hắc Dịch, TX. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Văn Sơn, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 31 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn - Tổng Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 11 tháng 8 năm 2023



Số: 222/BCSX/TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân được lập ngày 11 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Cao Thị Hồng Nga – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.248.082.996	71.704.805.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.217.360.441	24.821.282.177
1. Tiền	111		5.217.360.441	4.821.282.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.720.989.996	8.324.695.664
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.967.394.333	2.614.434.679
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.220.355.000	3.532.674.360
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.533.240.663	2.177.586.625
III. Hàng tồn kho	140	V.5	41.288.877.059	38.090.288.418
1. Hàng tồn kho	141		41.288.877.059	38.090.288.418
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.855.500	468.539.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	8.882.000	456.565.500
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	11.973.500	11.973.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.251.741.412	116.650.099.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		887.214.543	818.063.892
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	887.214.543	818.063.892
II. Tài sản cố định	220		43.799.552.260	58.187.923.267
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	36.195.688.938	49.815.123.345
- Nguyên giá	222		138.672.600.594	148.268.325.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.476.911.656)	(98.453.201.946)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	7.603.863.322	8.372.799.922
- Nguyên giá	228		25.848.986.502	25.848.986.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.245.123.180)	(17.476.186.580)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	65.734.290.896	44.099.566.538
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		65.734.290.896	44.099.566.538
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		830.683.713	11.544.545.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	830.683.713	11.544.545.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.499.824.408	188.354.904.397


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.491.454.644	73.411.849.301
I. Nợ ngắn hạn	310		46.821.454.644	70.741.849.301
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.018.213.746	22.045.493.794
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	535.877.943	630.928.980
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.13	8.118.993.196	10.520.122.720
4. Phải trả người lao động	314		5.465.782.324	13.080.369.442
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.582.255.247	1.269.674.778
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	7.485.870.560	1.332.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.614.461.628	21.863.259.587
II. Nợ dài hạn	330		2.670.000.000	2.670.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	2.670.000.000	2.670.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.008.369.764	114.943.055.096
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	118.008.369.764	114.943.055.096
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(62.460.000)	(62.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.266.738.694	1.340.546.039
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.219.847.959	2.041.778.755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.177.273.111	21.216.220.302
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.181.769.302	5.823.901.011
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.995.503.809	15.392.319.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.499.824.408	188.354.904.397

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 11 tháng 8 năm 2023


Lưu Thị Mai
Người lập biểu


Trần Thị Cảnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.071.632.872	138.994.185.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	19.792.500	4.392.700
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	106.051.840.372	138.989.792.613
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	72.667.532.377	87.218.302.111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.384.307.995	51.771.490.502
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	123.964.625	71.898.370
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	481.039.554	341.508.332
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		481.039.554	341.508.332
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	10.474.400.375	16.115.771.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	7.082.880.605	8.031.378.035
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.469.952.086	27.354.730.936
11. Thu nhập khác	31	VI.9	17.621.638	499
12. Chi phí khác	32	VI.10	172.772.749	861.716.088
13. Lợi nhuận khác	40		(155.151.111)	(861.715.589)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.314.800.975	26.493.015.347
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	3.158.714.745	5.530.256.559
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.156.086.230	20.962.758.788
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.050	1.745
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.050	1.745

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 11 tháng 8 năm 2023



Lưu Thị Mai
Người lập biểu



Trần Thị Cảnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.314.800.975	26.493.015.347
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.049.653.310	5.421.835.605
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(123.964.625)	(71.898.370)
- Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	481.039.554	341.508.332
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.721.529.214	32.184.460.914
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	332.813.237	(1.349.275.809)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.198.588.641)	2.410.030.639
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(18.517.473.439)	8.616.175.501
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	176.662.937	(182.505.524)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(486.631.390)	(354.445.343)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.520.035.728)	(4.063.422.677)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.305.118.521)	(3.072.138.616)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.796.842.331)	34.188.879.085
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.110.124.370)	(10.382.927.402)
2. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	124.706.405	20.135.870
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(985.417.965)	(10.362.791.532)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	26.657.187.627	8.260.372.016
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.503.317.067)	(17.083.516.540)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.975.532.000)	(13.014.765.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.821.661.440)	(21.837.910.407)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(19.603.921.736)	1.988.177.146
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.821.282.177	15.710.227.333
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.217.360.441	17.698.404.479

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 11 tháng 8 năm 2023




Lưu Thị Mai
Người lập biểu



Trần Thị Cảnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung.

- **Vốn điều lệ** : 90.406.970.000 VND
Số cổ phiếu : 9.040.697 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
Địa chỉ : Khu phố Suối Nhum, P. Hắc Dịch, TX. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa
Vũng Tàu
Điện thoại : (0254) 3 876 770
Fax : (0254) 3 894 168
Mã số thuế : 3 5 0 0 6 4 0 9 6 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mỏ;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Trong năm không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm 1 trụ sở chính và 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 343 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 353 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ :

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.



Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và chi phí thăm dò mỏ sét.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là từ 5 đến 38 năm.

Chi phí thăm dò mỏ sét

Chi phí cho hoạt động thăm dò mỏ sét, chi phí đền bù mở rộng mỏ sét được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá

trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công cụ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính : VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.310.185.000	1.718.091.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.907.175.441	3.103.191.177
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Cộng	5.217.360.441	24.821.282.177

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Bên thứ ba</u>		
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	937.858.929	723.810.771
Khu vực Tân Thành - Đồng Nai	508.298.637	409.275.251
Khu vực Thành phố Vũng Tàu – Phòng kinh doanh	220.383.567	271.954.696
Khu vực Bà Rịa	-	81.294.880
<u>Bên liên quan</u>		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	120.000.000	58.909.091
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	180.853.200	1.069.189.990
Cộng	1.967.394.333	2.614.434.679

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Bên thứ ba</u>		
Ông Nguyễn Thế Đô - Bà Đoàn Thị Dung	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	479.375.000	479.375.000
Trả trước cho người bán khác	140.980.000	453.299.360
Cộng	3.220.355.000	3.532.674.360

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	2.533.240.663	2.177.586.625
Lãi tiền gửi dự thu	509.600.000	179.615.801
Lãi trái phiếu dự thu	-	82.191.780
Lãi trái phiếu dự thu	92.200.000	10.750.000
Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án	1.809.000.000	1.809.000.000
Phải thu khác	122.440.663	96.029.044
b) Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	887.214.543	818.063.892
Cộng	3.420.455.206	2.995.650.517

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	23.451.110.989	-	21.018.471.466	-
Công cụ dụng cụ	159.050.965	-	208.065.122	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.809.011.622	-	3.937.253.096	-
Thành phẩm	14.681.018.475	-	12.731.721.240	-
Hàng hóa	188.685.008	-	194.777.494	-
Cộng	41.288.877.059	-	38.090.288.418	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	63.246.061.400	78.701.869.963	5.613.572.928	706.821.000	148.268.325.291
Số tăng trong kỳ	-	620.370.370	-	64.000.000	684.370.370
- Mua sắm mới	-	620.370.370	-	64.000.000	684.370.370
Số giảm trong kỳ	10.280.095.067	-	-	-	10.280.095.067
- Tăng lại xây dựng cơ bản	10.280.095.067	-	-	-	10.280.095.067
Số dư cuối kỳ	52.965.966.333	79.322.240.333	5.613.572.928	770.821.000	138.672.600.594
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	36.118.197.860	57.128.321.331	4.528.478.625	678.204.130	98.453.201.946
Khấu hao trong kỳ	1.457.962.249	2.621.699.171	188.679.720	12.375.570	4.280.716.710
Tăng lại xây dựng cơ bản	257.007.000	-	-	-	257.007.000
Số dư cuối kỳ	37.319.153.109	59.750.020.502	4.717.158.345	690.579.700	102.476.911.656
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	27.127.863.540	21.573.548.632	1.085.094.303	28.616.870	49.815.123.345
Tại ngày cuối kỳ	15.646.813.224	19.572.219.831	896.414.583	80.241.300	36.195.688.938

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	63.333.523.900	61.199.377.177
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	8.105.417.708	8.854.096.778



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	25.156.961.502	692.025.000	25.848.986.502
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	25.156.961.502	692.025.000	25.848.986.502
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	16.797.286.580	678.900.000	17.476.186.580
Khấu hao trong kỳ	765.186.600	3.750.000	768.936.600
Số dư cuối kỳ	17.562.473.180	682.650.000	18.245.123.180
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.359.674.922	13.125.000	8.372.799.922
Tại ngày cuối kỳ	7.594.488.322	9.375.000	7.603.863.322

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	2.495.595.904	2.495.595.904
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:	1.626.767.018	1.645.325.618

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà máy Gạch Mỹ Xuân	8.284.842.531	8.284.842.531
Nhà máy Gạch Châu Đức	57.449.448.365	35.814.724.007
Cộng	65.734.290.896	44.099.566.538

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số trái phiếu Công ty đang sở hữu tại ngày 30/06/2023 là 20.000 trái phiếu (tại ngày 01/01/2023 là 20.000 trái phiếu) với mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm và lãi suất là 8,1%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

10. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	8.882.000	456.565.500
Lệ phí quyền khai thác khoáng sản	-	456.565.500
Chi phí công cụ dụng cụ	8.882.000	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	830.683.713	11.544.545.441
Chi phí công cụ dụng cụ	55.980.000	1.022.800
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	461.762.573	525.410.081
Quyền khai thác khoáng sản	312.941.140	353.759.560
Quyền sử dụng đất mỏ sét Suối Rao	-	10.664.353.000
Cộng	839.565.713	12.001.110.941

11. Phải trả người bán ngắn hạn**Bên thứ ba**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Hùng Vũ	1.288.855.040	8.318.835.250
Công ty TNHH Bao bì giấy Tân Long	123.000.416	109.386.806
Công ty TNHH Cơ khí đúc Thành Đồng	-	574.437.600
Phải trả người bán khác	1.899.002.507	2.773.957.600

Bên liên quan

Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	3.707.355.783	10.268.876.538
Cộng	7.018.213.746	22.045.493.794

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**Bên thứ ba**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu vực Thành phố Vũng Tàu – Phòng kinh doanh	535.877.943	630.928.980
Cộng	535.877.943	630.928.980



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**13. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /cán trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế phải nộp	10.520.122.720	12.475.639.096	14.876.768.620	8.118.993.196
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	41.392.056	5.015.172.746	1.412.906.636	3.643.658.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.520.035.728	3.158.714.745	9.520.035.728	3.158.714.745
Thuế thu nhập cá nhân	464.310.056	1.631.286.221	1.577.821.072	517.775.205
Thuế tài nguyên	-	1.781.582.739	1.781.499.539	83.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	494.384.880	41.886.274	41.886.274	494.384.880
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	836.996.371	532.619.371	304.377.000
Thuế phải thu	11.973.500	-	-	11.973.500
Thuế xuất, nhập khẩu	11.973.500	-	-	11.973.500

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	519.625.820	237.842.100
Bảo hiểm xã hội	578.938.995	613.593.750
Bảo hiểm y tế	104.730.750	108.757.170
Bảo hiểm thất nghiệp	45.406.980	48.125.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận được chia	299.630.050	240.711.050
Phải trả lãi vay	-	5.591.836
Phải trả khác	33.922.652	15.053.872
Cộng	1.582.255.247	1.269.674.778



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a) Vay ngắn hạn	1.332.000.000	26.657.187.627	20.503.317.067	7.485.870.560
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	26.657.187.627	19.837.317.067	6.819.870.560
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Phú Mỹ	-	6.713.624.188	6.713.624.188	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu (*)	-	19.943.563.439	13.123.692.879	6.819.870.560
Vay dài hạn tới hạn trả	1.332.000.000	-	666.000.000	666.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu (**)	1.332.000.000		666.000.000	666.000.000
b) Vay dài hạn	2.670.000.000	-	-	2.670.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu (**)	2.670.000.000	-	-	2.670.000.000
Cộng	4.002.000.000	26.657.187.627	20.503.317.067	10.155.870.560

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức Số GMX-HDHM/2022 ngày 01 tháng 11 năm 2022

Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND (bao gồm dư nợ từ Hợp đồng cho vay hạn mức ngắn hạn số GMX-HDHM/2020 ngày 31 tháng 08 năm 2020)

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Thời hạn cho vay: Tối đa là 5 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

Lãi suất: Theo từng Giấy nhận nợ

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

- Biện pháp đảm bảo:
- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm Mỹ Xuân: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657233 (số cũ AK 14550) theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2017-HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
 - Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp Quyền khai thác tài nguyên số 02-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017
 - Máy móc thiết bị thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 03-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
 - Nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
 - Dây chuyền máy nghiền - trộn hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2020/HĐTC MMTB/GMX ngày 30 tháng 9 năm 2020.

(**) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn: Số 01-2020/HDTL/GMX ngày 30 tháng 09 năm 2020

Phụ lục: Số 01-2020/HDTL/GMX/PL01 ngày 12 tháng 05 năm 2021 thay đổi phương thức trả nợ gốc

Số tiền vay: 6.000.000.000 VND

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân lần đầu tiên

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

Lãi suất: Áp dụng lãi suất Chương trình cho vay trung dài hạn VND

Mục đích: Tài trợ cho nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư dây chuyền nghiền - trộn tại địa chỉ Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Biện pháp đảm bảo:
- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (khu vực dây chuyền III): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657233 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2017-HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
 - Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (khu vực dây chuyền II và công trình thuộc dây chuyền sản xuất ngói xi măng màu không nung): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657232 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2017-HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

- Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp Quyền khai thác tài nguyên số 02-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
- Máy móc thiết bị thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 03-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
- Dây chuyền máy nghiền - trộn tại Nhà máy theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2020/HĐTC MMTB/GMX ngày 30 tháng 9 năm 2020.

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.406.970.000	(62.460.000)	468.912.493	1.380.618.558	14.089.324.977	106.283.366.028
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	43.581.677.324	43.581.677.324
Trích lập các quỹ	-	-	871.633.546	871.633.546	(19.741.047.649)	(17.997.780.557)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(7.679.283.350)	(7.679.283.350)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(9.034.451.000)	(9.034.451.000)
Truy thu thuế GTGT và thuế TNDN theo Quyết toán thuế	-	-	-	(210.473.349)	-	(210.473.349)
Số dư cuối năm trước	90.406.970.000	(62.460.000)	1.340.546.039	2.041.778.755	21.216.220.302	114.943.055.096
Số dư đầu năm nay	90.406.970.000	(62.460.000)	1.340.546.039	2.041.778.755	21.216.220.302	114.943.055.096
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	12.156.086.230	12.156.086.230
Trích lập các quỹ	-	-	243.121.725	243.121.725	(3.160.582.421)	(2.674.338.971)
Tăng khác	-	-	2.683.070.930	-	-	2.683.070.930
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(9.034.451.000)	(9.034.451.000)
Truy thu thuế GTGT và thuế TNDN theo Quyết toán thuế	-	-	-	(65.052.521)	-	(65.052.521)
Số dư cuối kỳ này	90.406.970.000	(62.460.000)	4.266.738.694	2.219.847.959	21.177.273.111	118.008.369.764

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	90.406.970.000	90.406.970.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	90.406.970.000	90.406.970.000
Cổ tức đã chia	9.034.451.000	7.679.283.350
- Chia cổ tức bằng tiền	9.034.451.000	7.679.283.350

c) Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.040.697	9.040.697
- Cổ phiếu phổ thông	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(6.246)	(6.246)
- Cổ phiếu phổ thông	(6.246)	(6.246)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.034.451	9.034.451
- Cổ phiếu phổ thông	9.034.451	9.034.451

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT
QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính : VND

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	92.381.535.659	119.327.342.159
- Gạch xây tường	51.190.756.186	60.374.778.867
- Sản phẩm trang trí	41.190.779.473	58.952.563.292
Doanh thu ngói xi măng màu	13.149.555.483	18.890.896.424
Doanh thu khác	540.541.730	775.946.730
Cộng	106.071.632.872	138.994.185.313

Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	3.320.607.665	3.875.582.218
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	31.926.000	268.456.880
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	164.412.000	192.890.520
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Học Minh Thành	14.317.594.270	16.524.973.813

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hàng bán bị trả lại	19.792.500	4.392.700
Cộng	19.792.500	4.392.700

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu thuần gạch ngói đất sét nung	92.361.743.159	119.322.949.459
- Gạch xây tường	51.190.756.186	60.370.386.167
- Sản phẩm trang trí	41.170.986.973	58.952.563.292
Doanh thu thuần ngói xi măng màu	13.149.555.483	18.890.896.424
Doanh thu thuần khác	540.541.730	775.946.730
Cộng	106.051.840.372	138.989.792.613

4. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn gạch ngói đất sét nung	60.845.295.895	69.968.504.742
- Gạch xây tường	33.094.200.579	34.230.249.010
- Sản phẩm trang trí	27.751.095.316	35.738.255.732
Giá vốn ngói xi măng màu	11.628.248.482	16.841.875.245
Giá vốn hoạt động khác	193.988.000	407.922.124
Cộng	72.667.532.377	87.218.302.111

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi	42.514.625	9.302.537
Lãi đầu tư trái phiếu	81.450.000	62.595.833
Cộng	123.964.625	71.898.370

6. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	481.039.554	341.508.332
Cộng	481.039.554	341.508.332

7. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	3.299.716.254	5.897.088.735
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.061.324.139	2.810.365.010
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	128.878.072	298.016.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.750.000	16.542.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.868.272.910	6.991.526.356
Chi phí bằng tiền khác	112.459.000	102.232.756
Cộng	10.474.400.375	16.115.771.569



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.726.351.376	6.408.936.689
Chi phí vật liệu quản lý	-	23.650
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.820.232	69.157.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.223.800	145.019.460
Thuế, phí và lệ phí	51.886.274	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	773.429.074	1.073.108.942
Chi phí bằng tiền khác	420.169.849	332.131.559
Cộng	<u>7.082.880.605</u>	<u>8.031.378.035</u>

9. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập khác	17.621.638	499
Cộng	<u>17.621.638</u>	<u>499</u>

10. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Các khoản nộp phạt	5.056.661	161.280
Chi phí khác	167.716.088	861.554.808
Cộng	<u>172.772.749</u>	<u>861.716.088</u>

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.314.800.975	26.493.015.347
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	478.772.749	1.158.267.448
- Các khoản điều chỉnh tăng	478.772.749	1.158.267.448
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	15.793.573.724	27.651.282.795
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.158.714.745</u>	<u>5.530.256.559</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

12. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.156.086.230	20.962.758.788
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(2.674.338.971)	(5.197.947.551)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	(2.674.338.971)	(5.197.947.551)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.481.747.259	15.764.811.237
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.034.451	9.034.451
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.050	1.745

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.185.385.373	43.596.845.644
Chi phí nhân công	29.053.030.009	38.018.813.352
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.049.653.310	5.357.872.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.809.281.754	21.283.700.899
Chi phí khác bằng tiền	2.948.518.672	2.507.283.832
Cộng	91.045.869.118	110.764.516.232

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính : VND

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức phải trả trong kỳ	58.919.000	50.337.127
Lãi trái phiếu phải thu trong kỳ	92.200.000	71.241.666
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ đã thanh toán trong kỳ trước	201.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ	-	3.069.370

2. Các giao dịch bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức phải trả kỳ trước đã trả trong kỳ này	-	5.385.819.660
Trả trước người bán mua sắm, xây dựng tài sản	-	5.950.000.000
Lãi tiền gửi phải thu năm trước đã thu trong kỳ này	82.191.780	-
Lãi trái phiếu phải thu năm trước đã thu trong kỳ này	-	-
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	5.591.836	16.006.381



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vay theo khế ước thông thường	26.657.187.627	8.260.372.016

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Trả tiền nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(20.503.317.067)	(17.083.516.540)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	3.320.607.665	3.875.582.218
		Mua hàng hóa và dịch vụ	25.651.063.975	33.648.641.666
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Cùng chủ đầu tư	Cung cấp hàng hóa	164.412.000	192.890.520
		Mua hàng hóa	-	1.703.542.562
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	Cùng chủ đầu tư	Cung cấp hàng hóa	31.926.000	268.456.880
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Học Minh Thành	Cùng chủ đầu tư	Cung cấp hàng hóa	14.317.594.270	16.524.973.813



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN**Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Tại ngày 30/06/2023, Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

			<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư	Phải thu/(trả trước) tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.000.000	58.909.091
		Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	3.707.355.783	10.268.876.538
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Cùng chủ đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	180.853.200	1.069.189.990

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban
Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong kỳ như sau:

			<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị				
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch		120.000.000	88.000.000
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên		48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên		48.000.000	48.000.000
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên		48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên		<u>48.000.000</u>	<u>48.000.000</u>
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát				
Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban		42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên		54.000.000	42.000.000
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên		<u>36.000.000</u>	<u>36.000.000</u>
Ban Tổng Giám đốc				
Lương, thưởng và phúc lợi khác			<u>1.326.612.773</u>	<u>989.401.273</u>
Những người quản lý khác				
Lương, thưởng và phúc lợi khác			<u>2.347.559.295</u>	<u>1.229.587.497</u>

2. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất gạch, ngói các loại và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Doanh thu và giá vốn đã được thuyết minh tại VI.1 và VI.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được kiểm toán và soát xét.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2023 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, ngày 11 tháng 8 năm 2023



Lưu Thị Mai
Người lập biểu



Trần Thị Cảnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

